

Số: **210A/2019/QĐST-HNGĐ**

Trăng Bom, ngày 20 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 683/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1991.

HKTT: Số Tổ 9, khu phố 3, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Phạm Quốc T1, sinh năm: 1990.

Nơi cư trú: Tổ 8, khu phố 1, thị trấn Trăng Bom, huyện Trăng Bom, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/2013 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T cấp thì chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc T1 là vợ chồng hợp pháp, nay chị T, anh T1 xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại - Tòa án nhân dân huyện Trăng Bom, các bên đương sự đã thỏa thuận được về ly hôn, nuôi con, chia tài sản và yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành, với nội dung cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Thu và anh T1 có 01 (một) con chung là Phạm Nguyễn Duy A – sinh ngày 06/3/2014. Chị T và anh T1 thỏa thuận để anh T1

trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và chăm sóc cháu Duy A. Tạm thời anh T1 không yêu cầu chị Thu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T, anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc T1 mỗi người phải chịu lệ phí là 150.000đ, nhưng chị T, anh T1 thỏa thuận để chị T chịu toàn bộ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Quốc T1

- **Về con chung:** Giao cháu Phạm Nguyễn Duy A – sinh ngày 06/3/2014 cho anh Phạm Quốc T1 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Tòa án không xem xét giải quyết.

- **Về lệ phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu lệ phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ từ tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp theo biên lai thu số 0007129 ngày 12/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- UBND thị trấn T;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Và Kíu